

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 26-6-2020

V/v “ Tranh chấp Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Lệ Hoa

2. Bà Phan Thị Trúc Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang: không tham gia phiên tòa:

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2020 về việc “ *Tranh chấp ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2020 ngày 10 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Mai T, sinh năm: 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 08, ấp A, xã Đ, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

2/. Bị đơn : Anh Bùi Thúy S, sinh năm: 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 08, A, xã Đông, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/01/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị Mai T trình bày:

Chị T và anh S chung sống với nhau vào năm 2004 vợ chồng có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 12/11/2003. Quá trình chung sống những năm đầu hạnh phúc cho đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S không quan tâm và không lo lao động nuôi sống gia đình mà ngược lại anh S còn đi ăn chơi tệ nạn xã hội dẫn đến mâu thuẫn nghiêm trọng, không thể hòa giải.

Nay chị T cảm thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục xây dựng gia đình hạnh phúc vợ chồng đã ly thân từ tháng 12 năm 2019 cho đến nay.

Về quan hệ con chung: Chị T xác nhận giữa chị và anh S có 03 con chung tên Bùi Thủy T, sinh ngày 09/03/2004, Bùi Thủy T, sinh ngày 05/09/2005 và Bùi Song L, sinh ngày 27/07/2013.

Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không tạo dựng được tài sản chung, không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Tại phiên tòa chị Hoàng Thị Mai T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Mai T yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Thúy S.

- Về quan hệ con chung: Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi 03 đứa con tên Bùi Thủy Triều, sinh ngày 09/03/2004, Bùi Thủy Tiên, sinh ngày 05/09/2005 và Bùi Song Lĩnh, sinh ngày 27/07/2013, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản ghi nguyện vọng của cháu Bùi Thủy T, sinh ngày 09/03/2004, Bùi Thủy T, sinh ngày 05/09/2005 thì cháu T và cháu T có nguyện vọng được ở với chị Hoàng Thị Mai T

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt, hợp lệ giấy triệu tập cho anh Bùi Thúy S tham gia phiên họp kiểm tra việc, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng anh S đều không có mặt và không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn, bị đơn anh Bùi Thúy S đang cư trú tại tổ 08, ấp, xã Đ, huyện T, tỉnh Kiên Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự .

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Bùi Thúy S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Bùi Thúy S.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị Mai T và anh Bùi Thúy S được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Đông A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang vào ngày 12 tháng 11 năm 2003, số 89 là phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật hôn

nhân gia đình năm 2014 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị T thấy rằng sau khi kết hôn, chị T và anh S chung sống hạnh phúc, đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh S không quan tâm đến gia đình không lo lao động nuôi sống vợ con mà ngược lại anh S còn đi ăn chơi tệ nạn xã hội dẫn đến mâu thuẫn nghiêm trọng, không thể hòa giải chị T có khuyên ngăn rất nhiều lần nhưng anh S vẫn không chịu thay đổi từ đó làm cho tình trạng hôn nhân anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng anh chị không còn quan tâm đến cuộc sống vợ chồng. Chị T và anh S đã ly thân từ tháng 12 năm 2019 cho đến nay chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn mặn mà, không ai quan tâm đến ai, không chăm sóc, giúp đỡ nhau, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hiện được tình nghĩa vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình “ Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau;... Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,....”.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ cho anh S tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đề Tòa án động viên anh chị quay về đoàn tụ tiếp tục cuộc sống hôn nhân và nuôi dạy con chung nhưng anh S điều vắng mặt không có lý do. Điều này chứng tỏ anh S bỏ mặc không quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân giữa chị và anh S nữa.

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[4] Về con chung: Chị T xác nhận vợ chồng có 03 con chung tên Bùi Thủy Triều, sinh ngày 09/03/2004 cháu Bùi Thủy Tiên, sinh ngày 05/09/2005 và cháu Bùi Song Lĩnh, sinh ngày 27/07/2013 hiện các cháu đang ở với chị T. Chị T yêu cầu nuôi 03 con đứa con không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu xin được nuôi con của chị T Hội đồng xét xử xét thấy từ khi ly thân từ tháng 12 năm 2019 cho đến nay cháu Bùi Thủy Triều cháu Bùi Thủy Tiên và cháu Bùi Song Lĩnh ở chung với chị T. Chị T chăm sóc nuôi dưỡng các cháu tâm sinh lý phát triển bình thường theo nguyện vọng của cháu Triều và cháu Tiên thì 02 cháu có nguyện vọng ở với chị T. Hiện nay chị T có công việc ổn định từ việc làm thợ phụ nấu ăn thu nhập mỗi tháng trên 8.000.000đ và thu nhập từ 08 công đất ruộng.

Khoản 2 Điều 81 luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: “ Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

Từ những Điều luật quy định và nguyện vọng của cháu Triều và cháu Tiên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được nuôi con của chị Hoàng Thị Mai T. Tiếp tục giao cháu Bùi Thủy Triều, sinh ngày 09/03/2004 cháu Bùi Thủy Tiên, sinh ngày 05/09/2005 và cháu Bùi Song Lĩnh, sinh ngày 27/07/2013 cho chị T trực tiếp, trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Thủy Triều, cháu Thủy Tiên và cháu Song Lĩnh đủ 18 tuổi. Anh S không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, đồng thời anh S không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Thị Mai T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị Mai T.
2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Mai T được ly hôn với anh Bùi Thúy S.
3. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Bùi Thủy T, sinh ngày 09/03/2004 cháu Bùi Thủy T, sinh ngày 05/09/2005 và cháu Bùi Song L, sinh ngày 27/07/2013 cho chị T trực tiếp, trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng cho

đến khi cháu Thủy T, cháu Thủy T và cháu Song L đủ 18 tuổi. Anh S không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, đồng thời anh S không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Thị Mai T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0000477 ngày 10/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Chị T đã nộp đủ.

6. Quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị Mai T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Thúy S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- UBND Thạnh Đông A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM
PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Vũ

